TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **_____**

Bản án số: 184/2024/KDTM -PT

Ngày: 22/7/2024

V/v : Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 50/2023/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 149/2022/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 367/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Hồng A – Phó giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh H6; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy Q và bà Nguyễn Thị N – Luật sư thuộc Công ty L – Đoàn Luật sư thành phố H. Bà Q có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH T4;

Địa chỉ: Ngã 4 L, xóm Đ, xã C, huyện S, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Mạnh T – Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Anh T1 – Địa chỉ: P202 Tòa nhà A phố H, phường N, quận T, Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/06/2023).

Ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần X;

Địa chỉ: A BT3 khu đô thị M, quận N, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật theo đăng ký kinh doanh: ông Trịnh Khánh H – Tổng Giám đốc. Ông H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q1, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật do Toà án chỉ định tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Thu H1; vắng mặt.

Đăng ký HKTT: Phòng 215 B Khu tập thể T, phường T, quận Đ, Hà Nội.

2. Chi cục Thi hành án dân sự quận B

Địa chỉ: số B ngách F phố V, phường V, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Mạnh H2 – Chi cục Trưởng

Ông H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2012 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 **(do Ông** Hoàng Anh T2 **đại diện) trình bày:**

Ngày 10/8/2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T4) và Công ty cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty X) có ký Hợp đồng mua bán số 10.08/2011/1HĐKTvề việc mua bán tinh bột giấy, theo đó Công ty X bán cho Công ty T4 6.500 tấn tinh bột giấy có độ trắng 85% đến 95%; độ ẩm 1,2% +/- 2%; độ PH 7.0 đến 9.0; đơn giá 9.181.919 đồng/tấn; tiêu chuẩn đóng gói 200kg/kiện. Tổng giá trị của hợp đồng là 65.650.000.000 đồng. Thời hạn giao hàng bắt đầu từ ngày 01/12/2011 đến ngày 10/12/2011; địa điểm Kho Công ty X (tại nhà máy C, huyện C, tỉnh Nghệ An),Thời hạn và phương thức thanh toán: Tổng giá trị của hợp đồng là 65.650.000.000 đồng. Công ty T4 phải ứng cho Công ty X 40.000.000.000 đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng. Công ty X phải cung cấp cho bên Công ty T4 bản gốc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị 40.000.000.000 đồng của Ngân hàng có uy tín.

Ngày 12/8/2011, Ngân hàng N1 - Chi nhánh H6 đã phát hành Chứng thư bảo lãnh thanh toán số 1208/TD-HH, theo đó, Ngân hàng N1 cam kết không hủy ngang bảo lãnh

thanh toán và sẽ thanh toán 1 lần cho Công ty T4 khoản tiền hoặc tổng số tiền không vượt quá 40.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty T4 nếu Công ty X thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình đã nêu trong hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng và có bảo lãnh của Ngân hàng N1, thì Công ty T4 đã tạm ứng 40.000.000.000 đồng cho Công ty X bằng hình thức chuyển khoản theo các ủy nhiệm chi ngày 12, 15, 17 và 18/8/2011 vào tài khoản số 2641088 của Công ty X mở tại Ngân hàng V1 - Hội sở. Như vậy, tính đến 18/8/2011, Công ty T4 đã tạm ứng đủ 40.000.000.000 đồng cho Công ty X bằng Biên bản xác nhận công nợ tiền đặt cọc và Các ủy nhiệm chi.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng và nhận đủ tiền tạm ứng, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng, chưa giao được lô hàng nào cho Công ty T4. Như vậy, Công ty X đã thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình nêu trong hợp đồng mà hai bên đã ký.

Trong thời hạn hiệu lực bảo lãnh là 125 ngày kể từ ngày 12/8/2011 đến 14/12/2011, Công ty T4 đã nhiều lần đề nghị Ngân hàng N1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng cam kết, nhưng ngân hàng không thực hiện

Nay, Công ty T4 khởi kiện đề nghị Ngân hàng N1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán với số tiền 40.000.000.0000 đồng mà Công ty T4 đã tạm ứng cho Công ty X và phải chịu lãi chậm trả từ ngày13/12/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất chậm trả theo lãi suất ngân hàng là 13.156.000.000 đồng

Bị đơn: Ngân hàng N1 **trình bày**:

Chứng thư bảo lãnh thanh toán 1208/TDHH ngày 12/8/2011 do ông Đỗ Đức H3 - nguyên Giám đốc Chi nhánh H6 ký và phát hành đã thực hiện không đúng quy trình, quy định, không được hạch toán trong số sách kế toán của chi nhánh, không có hồ sơ lưu, không thu phí, vượt quyền phán quyết quy định tại các văn bản của ngành, vi phạm luật kế toán thông kê.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã có Quyết định số 01/C48 (P4) ngày 16/01/2012 khởi tố vụ án hình sự. Ngày 14/5/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an ban hành quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam ông Đỗ Đức H3 và một số cán bộ về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại Điều 282 Bộ luật hình sự, trong việc ký các bảo lãnh thanh toán cho Công ty X, trong đó có bảo lãnh số 1208/TD-HH ngày 12/8/2011.

Hiện nay, vụ án đã có Kết luận điều tra số 06/C48-P4 ngày 17/5/2013. Vì vậy, đề nghị Tòa án tạm đình chỉ vụ án chờ giải quyết xong vụ án hình sự đối với ông Đỗ Đức H3 và để Công ty X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T4. Bảo lãnh thanh toán

trên là vô hiệu về nội dung và vi phạm quy chế ban hành. Do đó, Ngân hàng không chấp nhận thanh toán cho Công ty T4 theo Bảo lãnh số 1208/TD-HH ngày 12/8/2011 và cũng không chấp nhận thanh toán khoản lãi chậm trả phát sinh từ bảo lãnh thanh toán nêu trên như Công ty T4 đã đề nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty X **(do ông** Trịnh Khánh H **đại diện) trình bày:**

Công ty X thừa nhận việc ký kết hợp đồng, việc đề nghị Ngân hàng phát hành Chứng thư bảo lãnh thanh toán số 1208/TD-HH như Công ty T4 trình bày. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, do gặp khó khăn về nguyên liệu, hệ thống xử lý tinh bột trắng không đảm bảo chất lượng, nên Công ty X không có hàng để giao cho Công ty T4 theo hợp đồng mà hai bên đã ký. Do đó, Công ty X không thể thực hiện nghĩa vụ giao hàng và chưa thể trả tiền cho Công ty T4.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H có văn bản trình bày: Hợp đồng mua bán bột giấy ngày 10/8/2011 giữa Công ty X và Công ty T4 không phải là việc mua bán thật, mà thực chất là hình thức vay vốn chị T3, việc ký kết các chứng thư bảo lãnh thanh toán với Ngân hàng là để Ngân hàng đáo hạn trả cho các Công ty của chị T3 (Công ty G, Công ty X và Công ty T4).

Tại Bản án kinh doanh, thương mại Sơ thẩm số 08/2013/KDTM-ST ngày 05/9/2013, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội quyết định :

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH T4 với Công ty TNHH một thành viên N1 và phát triên nông thôn Việt Nam.

Buộc Công ty TNHH một thành viên N1 phải thanh toán cho Công ty TNHH T4 phát sinh từ Bảo lãnh thanh toán số 1208/TD-HH ngày 12/8/2011 số tiền gốc là 40.000.000.000 đồng (bốn mươi tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả 13.156. 000.000 đông (mười ba tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 53.156.000.000 đồng (năm mươi ba tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH T4 và Công ty TNHH một thành viên N1 và phát triên nông thôn Việt Nam kháng cáo.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/02/2014,Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của Công ty T4.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2013/KDTM-ST ngày 05/9/2013 của Toà án nhân dân quận Ba Đình. thành phố Hà Nội .

Sau khi có bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm, ngày 31/3/2014, Ngân hàng N1 **đã bị Chi cục Thi hành án dân sự quận B cưỡng chế số tiền 53.156.000.000 đồng chuyển cho** Công ty TNHH T4 **và thu tiền án phí 159.156.000 đồng.**

Không đồng ý với bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm, Ngân hàng N1; ông Trịnh Khánh H có đơn đề nghị và Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có công văn số 854/CV-TA ngày 10/4/2014 kiến nghị xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 03/2016/KN-KDTM ngày 12/01/2016, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

Ngày 29/8/2016 Uỷ ban Thẩm phán – Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội có Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/KDTM-GĐT hủy toàn bộ bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/02/2014 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 08/2013/KDTM-ST ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Lý do cấp Giám đốc thẩm huỷ: *Ngày 13/4/2012 TAND quận Ba Đình có thông báo thụ lý vụ án số 217/TBTL. Ngày 6/5/2013 TAND quận Ba Đình nhận được công văn số 293/C48-P4 của Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng – Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm Bộ Công an có nội dung: …"Ngày 16/01/2012 Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/C48(P4) về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; ngày 14/5/2012 quyết định bổ sung quyết định khởi tố số 01/C48-P4 về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" xảy ra tại* Ngân hàng N1 – Chi nhánh H6 *và các Công ty, đơn vị có liên quan. Ngày 14/5/2012 Quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với* Đỗ Đức H3 *– nguyên giám đốc,* Đỗ Thị Minh H4 *nguyên Trưởng phòng tín dụng và* Trương Văn D *nguyên phó phòng tín dụng* Ngân hàng N1 - Chi nhánh H6*…trong việc ký các bảo lãnh thanh toán cho* Công ty cổ phần X *mua hàng của các doanh nghiệp, trong đó có bảo lãnh thanh toán số 1208/TD-HH ngày 12/8/2011, bảo lãnh thanh toán cho Hợp đồng kinh tế giữa* Công ty TNHH T4 *và* Công ty cổ phần X. *Mặc dù đã nhận được công văn nêu trên, ngày 5/9/2013 TAND quận Ba Đình vẫn đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và tại phiên toà ngày 5/9/2013 TAND quận Ba Đình đã nhận được bản kết luận điều tra số 06/C48-P4 ngày 17/5/2013 do* Ngân hàng N1 *cung cấp nhưng TAND quận Ba Đình vẫn tiếp tục xét xử vụ án.*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2013 Ngân hàng N1 *kháng cáo. Ngày 25/10/2013 TAND thành phố Hà Nội có thông báo thụ lý vụ án số 75/2013/TLPT-KDTM.*

Ngày 20/11/2013 Viện kiểm sát nhân dân Tối cao ra Cáo trạng số 20/VKSNDTC-V1B truy tố bị can Đỗ Đức H3 *về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" và tội "Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng", bị can* Trịnh Khánh H *về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng"*

Ngày 15/11/2013 Viện kiểm sát nhân dân Tối cao có công văn số 123/VKSTC-V1B đề nghị TAND thành phố Hà Nội rà soát và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tạm dừng việc thụ lý, giải quyết tranh chấp về quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp liên quan đến việc bảo lãnh của Ngân hàng N1 - Chi nhánh H6 *và bị can* Trịnh Khánh H.

Như vậy trong trường hợp này Toà án cấp sơ thẩm phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án và Toà án cấp phúc thẩm phải ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm để đợi kết quả giải quyết vụ án hình sự nêu trên để xem xét, làm rõ Chứng thư bảo lãnh thanh toán số 1208/TD-HH ngày 12/8/2011 của Ngân hàng N1 - Chi nhánh H6 *có được phát hành hợp lệ và có đúng thẩm quyền hay không? Nghĩa vụ của Ngân hàng đã phát sinh chưa? Nhưng Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm vẫn giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 4 điều 189 BLTTDS 2004 (nay được quy định tại điểm d khoản 1 điều 214 BLTTDS 2015) và khoản 4 điều 22 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của HĐTP-TANDTC.*

Ngày 01/12/2016 Toà án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án (lần 2) theo quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/KDTM-GĐT ngày 29/8/2016 của Ủy ban Thẩm phán – Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.

Quá trình giải quyết, ngày 12/12/2016 Công ty TNHH T4 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngày 10/01/2017, Ngân hàng N1 có đơn phản tố đề nghị Công ty TNHH T4 phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 53.156.000.000 đồng bị cưỡng chế và tiền lãi phát sinh của số tiền này tính từ ngày 29/8/2016 (ngày có Quyết định Giám đốc thẩm) đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận B trả lại số tiền án phí Ngân hàng bị cưỡng thu là 159.155.928 đồng và lãi phát sinh của số tiền này.

Liên quan đến vụ án Hình sự do Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố đối với Đỗ Đức H3 và Trịnh Khánh H. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và bản án số 125/2018/HS-PT ngày 19/3/2018 của Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đều xác định: Các bảo lãnh thanh toán do Đỗ Đức H3 ký đều vượt quyền, quyền phán quyết tín dụng lúc này thuộc Ngân

hàng N1. Đỗ Đức H3 không còn quyền phán quyết tín dụng nhưng vẫn cố tình ký bảo lãnh. Giao dịch dân sự này được xác lập bởi người không có quyền xác lập. Do vậy, giao dịch bảo lãnh là vô hiệu. Theo quy định của pháp luật, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch. Bên có nghĩa vụ bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bên được bảo lãnh, cụ thể là Ngân hàng N1 - Chi nhánh H6 không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với giao dịch dân sự bị coi là vô hiệu. Điều này phù hợp với nhận định và đánh giá của Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 03/2016/KN-KDTM ngày 12/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao; Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/KDTM-GĐT ngày 29/8/2016 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội khi tuyên hủy các bản án kinh doanh thương mại yêu cầu thực hiện hợp đồng bảo lãnh của một số Công ty đối với Ngân hàng N1. Trong phần Quyết định của Bản án Hình sự phúc thẩm số 125/HS-PT ngày 19/3/2018 buộc Trịnh Khánh H bồi thường cho Công ty TNHH T4 số tiền 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng.

Quá trình giải quyết lại vụ án, Chi cục Thi hành án dân sự quận B trình bày:

Việc thi hành án theo bản án số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án số 08/2013/KDTM-ST ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã thực hiện xong theo đúng quy định của pháp luật.

Với các nội dung phản tố của Ngân hàng, Chi cục Thi hành án dân sự quận B đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật; Không chấp nhận nội dung phản tố của Ngân hàng N1 về việc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận B trả lại án phí mà Ngân hàng N1 bị cưỡng thu: 159.155.928 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ khi Ngân hàng N1 bị cưỡng chế 31/3/2014 đến 31/5/2021 là 100.268.234 đồng vì không có căn cứ theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm (lần 2): Ngân hàng thay đổi yêu cầu phản tố đề nghị Công ty T4 thanh toán số tiền 53.156.000.000 đồng và tiền án phí 159.155.928 đồng và lãi phát sinh của 02 khoản tiền này. Rút yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận B trả lại án phí.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 149/2022/KDTM-ST ngày 27/9/2022 Toà án nhân dân quận Ba Đình đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T4 đối với Ngân hàng N1 về việc "Tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh".

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Ngân hàng N1 đối với Công ty TNHH T4.

Buộc Công ty TNHH T4 phải trả Ngân hàng N1 toàn bộ số tiền 53.156.000.000 đồng (Năm mươi ba tỷ một trăm năm mươi sáu triệu đồng) mà Ngân hàng N1 đã chuyển theo chứng từ giao dịch ngày 08/9/2015; Số hóa đơn 09080104000040; Số tham chiếu đi 1260GEO000000045.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N1 đối với Công ty TNHH T4 về khoản tiền lãi của số tiền bị cưỡng chế.

4. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N1 đối với Công ty TNHH T4 về số tiền án phí đã bị cưỡng chế. Buộc Công ty TNHH T4 phải trả cho Ngân hàng N1 số tiền 159.155.928 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 11/10/20220 Ngân hàng N1 có đơn kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Số tiền thiệt hại Ngân hàng yêu cầu Công ty T4 phải trả là 41.222.478.000 đồng tính trên số tiền bị cưỡng chế theo lãi suất 9%/năm từ 31/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2022).

Công ty TNHH T4 có đơn kháng cáo đề ngày 18/10/2022 gửi Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội theo dấu bưu điện ngày 28/10/2022. Nội dung kháng cáo bị đơn đề nghị huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do: Bản án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T4. Yêu cầu đòi tiền gốc và lãi của Ngân hàng không phát sinh từ bất cứ giao dịch dân sự nào, không phải là tranh chấp Kinh doanh thương mại, không thuộc trường hợp áp dụng Nghị quyết 326 về án phí. Án sơ thẩm buộc Công ty T4 phải chịu án phí là không có căn cứ. Công ty không đồng ý với yêu cầu đòi lãi chậm trả của Ngân hàng đối với số tiền bị cưỡng chế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người kháng cáo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn gửi trong hạn luật định, do đó xác định kháng cáo hợp lệ.

Quan điểm giải quyết vụ án:

** Xét yêu cầu của* Ngân hàng N1 *về việc buộc* công ty TNHH T4 *phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 53.156.000.000 đồng.*

Sau khi xét xử, bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N1 đã buộc phải thi hành án theo các nội dung phán quyết của bản án này. Theo đó ngày 13/3/2014, Ngân hàng N1 đã bị Chi cục Thi hành án dân sự quận B cưỡng chế số tiền 53.315.155.928đồng chuyển cho công ty TNHH T4 và bị thu tiền án phí là 159.155.928đồng.

Tuy nhiên, tại Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/KDTM-GĐT ngày 29/8/2016 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã huỷ bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội và bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2013/KDTM-ST ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Theo đó, tại bản án hình sự phúc thẩm số 125/2018/HS-PT ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: *"Buộc bị cáo* Trịnh Khánh H *bồi thường cho* Công ty TNHH T4 *40.000.000.000đồng"*. Như vậy, xác định trách nhiệm thanh toán các khoản tiền cho Công ty TNHH T4 không phải là trách nhiệm của Ngân hàng mà là trách nhiệm của Trịnh Khánh H - Giám đốc Công ty CP X.

Căn cứ theo quy định tại Điều 8, Điều 166, Điều 579 BLDS 2015, Ngân hàng N1 yêu cầu công ty TNHH T4 phải hoàn trả Ngân hàng số tiền 53.156.000.000đồng đã bị cưỡng chế là có căn cứ.

* *Xét yêu cầu của* Ngân hàng N1 *về số tiền lãi phát sinh trên số tiền đã bị thi hành tính từ ngày 31/3/2014 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 9%/ năm.*

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội và Bản án hình sự phúc thẩm số 125/2018/HS-PT ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận định: Tại thời điểm ký bảo lãnh thanh toán cho công ty CP X, công ty này đã hết hạn mức tín dụng, theo quy định Đỗ Đức H3 phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng. Mặc dù biết rõ mình đã sử dụng hết quyền phán quyết tín dụng nhưng Đỗ Đức H3 vẫn cố tình ký các bảo lãnh thanh toán khống, không đúng quy trình, quy định về bảo lãnh. Như vậy bảo lãnh này là vô hiệu và theo quy định của pháp luật thì giao dịch dân sự không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch. Cụ thể bên có nghĩa vụ bảo lãnh (Ngân hàng N1 - chi nhánh H6) không phải thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bên được bảo lãnh đồng nghĩa với việc xác định kể từ thời điểm này công ty TNHH T4 có trách nhiệm phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho Ngân hàng N1 số tiền 53.156.000.000đồng đã chuyển theo chứng từ giao dịch ngày 08/9/2015;

Như vậy, việc Ngân hàng N1 yêu cầu công ty TNHH T4 phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng là có căn cứ. Tuy nhiên xác định thời điểm bồi thường thiệt hại là kể từ

ngày 19/3/2018 (Ngày bản án hình sự phúc thẩm số 125/2018/HS-PT ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có hiệu lực pháp luật) (tính theo lãi suất 9%/ năm).

***** *Xét yêu cầu về việc trả án phí:* Trách nhiệm hoàn trả tiền án phí trên thuộc về Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bản án sơ thẩm buộc công ty TNHH T4 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền án phí 159.155.928đồng là không phù hợp. Do đó, cần sửa án sơ thẩm buộc Chi cục Thi hành án dân sự quận B trả số tiền án phí trên cho Ngân hàng.

** Xét kháng cáo của bị đơn* Công ty T4*: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.*

Nhận thấy: Tại cấp sơ thẩm Công ty T4 đã rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, công ty không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như không đưa ra được căn cứ pháp lý cấp sơ thẩm có vi phạm trong quá trình xét xử vụ án. Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Công ty T4.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 8, 11, 13, 185, 579 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm: Buộc công ty TNHH T4 phải trả Ngân hàng N1 toàn bộ số tiền 53.156.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 9%/năm.

- Buộc Chi cục Thi hành án dân sự quận B phải trả Ngân hàng N1 số tiền 159.155.928 đồng đã bị cưỡng chế.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc xét xử vắng mặt: Ngày 11/7/2024 Toà án nhận được đơn của ông Hoàng Anh T1, đại diện theo uỷ quyền của Công ty T4 đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T4.

[2]. Về việc thay đổi địa vị tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án (lần 2) theo quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/KDTM-GĐT ngày 29/8/2016, nguyên đơn đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn là Ngân hàng N1 có yêu cầu phản

tố nên căn cứ Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án cấp sơ thẩm thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự và xác định Ngân hàng N1 trở thành nguyên đơn còn bị đơn là Công ty TNHH T4; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần X và Chi cục Thi hành án dân sự quận B là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về việc chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần X, danh sách cổ đông sáng lập gồm bà Bà Phạm Thị Thu H5 - Đăng ký HKTT: số B T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Bà Phạm Thị Thu H1 - Đăng ký HKTT: Phòng 215 B khu tập thể T, phường T, quận Đ, Hà Nội; ông Trịnh Khánh H – Đăng ký HKTT: A20 BT3 khu đô thị M, xã M, huyện T, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Khánh H – Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc. Tuy nhiên ông Trịnh Khánh H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q1, tỉnh Tuyên Quang theo bản án HSPT số 125/HS-PT ngày 19/3/2018 của Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội (mức án Chung thân). Căn cứ quy định tại điều 12 Luật Doanh nghiệp, Toà án có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng trong trường hợp nếu thành viên là người đại diện theo pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù….Quá trình giải quyết, Toà án cấp sơ thẩm không chỉ định thành viên còn lại của Công ty mà vẫn xác định ông Trịnh Khánh H là người đại diện theo pháp luật là không đúng. Tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm cũng đã xác minh tại Công an phường T, tỉnh Bắc Ninh và công an phường T, quận Đ, Hà Nội đều cho biết không có người nào tên Phạm Thị Thu H5, Phạm Thị Thu H1 sinh sống tại các địa chỉ này. Vì vậy việc tống đạt cho bà H5, H1 tham gia tố tụng cũng chỉ thực hiện bằng thủ tục niêm yết mà không tống đạt được trực tiếp. Ông Trịnh Khánh H là người trực tiếp thực hiện các giao dịch và đã có lời khai tại Toà án. Mặt khác, Toà án đã yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ liên hệ của bà H5, bà H1 nhưng ông H không cung cấp vì cho rằng 02 người này không có quyền lợi gì liên quan đến Công ty nữa do đã rút hết vốn. Tuy nhiên Công ty không thay đổi loại hình doanh nghiệp và danh sách cổ đông sáng lập vẫn ghi tên 03 thành viên. Do đó Toà án chỉ định bà Phạm Thị Thu H1 tham gia tố tụng và thực hiện niêm yết các thủ tục tố tụng tại địa chỉ đăng ký HKTT theo quy định của pháp luật. Việc không chỉ định người đại diện tham gia tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm là thiếu sót nhưng không thay đổi bản chất của vụ án. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4]. Xét kháng cáo của Công ty T4 đề nghị huỷ án sơ thẩm bởi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty:

Ngày 12/8/2011, Ngân hàng N1 - Chi nhánh H6 cấp bảo lãnh thanh toán số 1208/TD-HH, nội dung: Ngân hàng đồng ý thanh toán cho Công ty T4 số tiền không vượt quá 40.000.000.000 đồng trong trường hợp Công ty X thực hiện không đúng,

không đầy đủ các nghĩa vụ của mình đã nêu trong hợp đồng mua bán tinh bột giấy số 10.08/2011/HĐKT/TA-TH được ký kết giữa hai Công ty ngày 10/8/2011.

Ngày 24/2/2014 Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án KDTM tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty T4 và Ngân hàng N1 và ra bản án KDTM phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT. Ngày 31/3/2014 Chi cục Thi hành án dân sự quận B đã thực hiện thi hành án và tiến hành cưỡng chế số tiền 53.156.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 40 tỷ đồng và 13.156.000.000 đồng tiền lãi) từ tài khoản của Ngân hàng N1 chuyển cho Công ty T4 theo quyết định của bản án KDTM phúc thẩm nêu trên.

Ngày 29/8/2016, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội có Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/KDTM-GĐT, hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2013/KDTM-ST ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do hồ sơ này có liên quan đến vụ án hình sự nên việc tranh chấp giữa các bên phải xem xét trên cơ sở kết luận của bản án Hình sự để xác định.

Căn cứ bản án HSPT số 125/HSPT ngày 19/3/2018 của Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã xét xử và nhận định hành vi vi phạm liên quan đến việc bảo lãnh của Ngân hàng và xác định Hợp đồng bảo lãnh là vô hiệu. Ngân hàng không phải thực hiện bảo lãnh số tiền 40 tỷ đồng của Công ty X đối với Công ty T4. Bản án HSPT đã quyết định Trịnh Khánh H phải trả Công ty T4 số tiền 40 tỷ đồng (số tiền này Công ty T4 đã được nhận vào ngày 31/3/2014 do Ngân hàng đã bị cưỡng thu do thi hành bản án KDTM phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014). Do đó việc công ty T4 đã thụ hưởng số tiền 53.156.000.000 đồng của bản án KDTM phúc thẩm là không đúng. Ngày 12/12/2016 Công ty T4 đã rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng N1 nhưng không hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền đã nhận. Vì vậy án sơ thẩm buộc Công ty T4 phải trả Ngân hàng 53.156.000.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của Công ty T4 cho rằng việc Toà án sơ thẩm buộc Công ty phải trả Ngân hàng N1 không phát sinh từ giao dịch dân sự nào, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty là không đúng.

[5]. Xét kháng cáo của Ngân hàng đề nghị Công ty T4 phải bồi thường thiệt hại:

Theo Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/KDTM-GĐT ngày 29/8/2016 của Toà án nhân dân Cấp cao đã hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2013/KDTM-ST ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình và bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 19/3/2018 Toà án nhân dân Cấp cao đã xét xử và ra bản án HSPT số 125/HS-PT buộc Trịnh Khánh H phải bồi thường cho Công ty T4 số tiền 40

tỷ đồng. Do đó kể từ thời điểm bản án HSPT số 125/HS-PT ngày 19/3/2018 có hiệu lực mới xác định Công ty T4 chiếm giữ tài sản của Ngân hàng không có căn cứ pháp luật.

Theo quy định tại Điều 13 Bộ luật dân sự 2015: *"Cá nhân, pháp nhân có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại,trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác"*.

Tại phiên toà, Ngân hàng yêu cầu số tiền thiệt hại tính từ ngày 19/3/2018 (ngày bản án HSPT số 125/HS-PT có hiệu lực pháp luật) đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2022) là 1.653 ngày với mức lãi suất 9%/năm là thấp hơn so với lãi suất quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Số tiền thiệt hại sẽ là:

53.156.000.000 đồng x 9%/năm x 1.653 ngày = 21.665.803.068 đồng.

[6]. Về hậu quả Thi hành án phí của bản án KDTM phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014.

Bản án KDTM phúc thẩm số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014 quyết định Ngân hàng phải chịu án phí sơ thẩm là 159.155.928 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự quận B đã thực hiện thu số tiền này của Ngân hàng N1 theo quyết định thi hành án số 627/QĐ.THAKT.CĐ ngày 12/3/2014. Tuy nhiên bản án số 12/2014/KDTM-PT ngày 24/2/2014 đã bị huỷ để giải quyết lại. Do đó án phí sẽ được xác định lại theo quy định của pháp luật.

Số tiền án phí đã được thi hành nên trách nhiệm hoàn trả tiền án phí trên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bản án sơ thẩm buộc công ty TNHH T4 phải trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền án phí 159.155.928 đồng là không đúng.

[7]. Về án phí: Yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Công ty T4 phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán và án phí KDTM phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 11,13,164,166,170 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 điều 30, 148, 296, 308,313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng N1

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T4

Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 149/2022/KDTM-ST ngày 27/09/2022 của Toà án nhân dân quận Ba Đình. Cụ thể:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T4 đối với Ngân hàng N1 về việc "Tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh".

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Ngân hàng N1 đối với Công ty TNHH T4.

2.1. Buộc Công ty TNHH T4 phải trả Ngân hàng N1 toàn bộ số tiền 53.156.000.000 đồng (Năm mươi ba tỷ một trăm năm mươi sáu triệu đồng) mà Ngân hàng N1 đã chuyển theo chứng từ giao dịch ngày 08/9/2015; Số hóa đơn 09080104000040; Số tham chiếu đi 1260GEO000000045.

2.2. Buộc Công ty TNHH T4 phải trả Ngân hàng N1 số tiền bồi thường thiệt hại tính từ ngày 19/3/2018 đến ngày 27/9/2022 là 21.665.803.068 đồng.

3. Về án phí: Công ty TNHH T4 phải chịu 182.821.803 đồng án phí KDTM sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí KDTM phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002779 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội. Công ty TNHH T4 còn phải nộp 182.821.803 đồng.

Ngân hàng N1 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 97.850.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0067292 ngày 12/7/2021 và 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002512 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội phải hoàn trả Ngân hàng N1 số tiền án phí đã bị khấu trừ là 159.155.928 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) trong tài khoản 068.137.000.6690 của Công ty TNHH MTV N1 (nay là Ngân hàng N1) mở tại Ngân hàng V2 theo lệnh thanh toán đến ngày 7/4/2014 để nộp án phí theo quyết định thi hành án số 627/QĐ.THAKT.CĐ ngày 12/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh